

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 18-4-2019  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Giao

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thanh
2. Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Tố Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thị H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số X, tổ Y, ấp H, xã T, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Hà Văn L, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số Z, tổ Y, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện ngày 09-10-2018, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:**

**- Về hôn nhân:** Chị và anh L tự tìm hiểu và về chung sống với nhau vào năm 2009, đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C vào ngày 09-5-2017. Khi về chung sống, chị mới biết anh L có tính “vũ phu”, anh L thường đánh đập chị, chị cố gắng chịu đựng và khuyên anh L nhưng anh L vẫn không thay đổi tính tình. Từ tháng 12-2017 đến nay, chị bỏ nhà sống riêng và ly thân với anh L cho đến nay. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

- **Về con chung:** Có 01 con chung tên Hà Văn T, sinh ngày 09/5/2011. Hiện nay cháu T đang sống với anh L, sau khi ly hôn con muốn sống với ai thì người đó nuôi, không cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không có.

\* Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn anh Hà Văn L nhưng anh L đều vắng mặt đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiến hành các thủ tục xác minh, lấy lời khai nhưng bị đơn không có mặt tại nhà khi cán bộ Tòa án đến, nên không lấy được lời khai của bị đơn.

\* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn. Ngoài ra cháu T đang sống với anh L nên chị đồng ý cho anh L tiếp tục nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về chấp hành pháp luật:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hạnh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

1.1 *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* Chị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; tại biên bản xác minh ngày 13-02-2019, Công an xã V xác nhận anh L hiện có đăng ký hộ khẩu tại ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang nhưng thường xuyên vắng mặt tại địa phương do đi làm thuê. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.2 *Về sự có mặt của đương sự:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

*2.1 Về hôn nhân:* Chị H và anh L có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2017 ngày 09-5-2017. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho chị H và anh L được đoàn tụ, nhưng chị H cương quyết ly hôn, anh L đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này chứng tỏ anh L cũng không có nguyện vọng được đoàn tụ với chị H. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

*2.2 Về con chung:* Chị H trình bày anh chị có 01 con chung tên Hà Văn T, sinh ngày 09-5-2011. Tòa án đã tiến hành thủ tục lấy lời khai đối với anh L và cháu T để xem xét nguyện vọng của cháu T, tuy nhiên khi Tòa án đến nhà lấy lời khai thì không lấy lời khai được của anh L và cháu T. Tại biên bản xác minh ngày 18-02-2019, chị Đặng Thị Mỹ L1 – hàng xóm của anh L cho biết “Cháu T hiện đang sống tốt với ông bà nội và ông L, ông bà nội và ông L rất quan tâm và thương cháu T, T được cho ăn học đàng hoàng”. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, cháu T từ nhỏ sống với anh L, được anh L và gia đình chăm sóc chu đáo, cho ăn học đầy đủ, chị H cũng đồng ý để anh L nuôi cháu T, để cho cuộc sống của cháu được ổn định, không bị xáo trộn. Căn cứ vào quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu T cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không có văn bản yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không buộc chị H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L và gia đình phải tạo điều kiện cho chị H trong việc thực hiện nghĩa vụ, quyền của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

*2.3 Về tài sản chung và nợ chung:* Chị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[3] Về án phí sơ thẩm:*

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

*[4] Quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Hà Văn L. Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2017 ngày 09-5-2017 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Anh Hà Văn L được quyền nuôi con chung tên Hà Văn T, sinh ngày 09-5-2011. Chị H không cấp dưỡng nuôi con do anh L không yêu cầu.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013965 ngày 05-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18-4-2019). Anh Hà Văn L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Ngọc Giao**